

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/DS-ST  
Ngày: 08/6/2021  
V/v “Tranh chấp dân sự về nợ hụi”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Châu Văn Sang**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Hồ Thị Mai Hương**

Bà **Võ Thị Diệp**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2021/TLST-DS, ngày 08/3/2021 về việc “Tranh chấp dân sự về nợ hụi” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2021/QĐST-DS ngày 18/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Thị Mỹ T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khóm M T, thị trấn M Th, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Lê Ánh Th** sinh năm 1976;

**Đỗ T T**, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Ấp M Th, xã M X, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

( *Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T T vắng mặt tại phiên tòa* )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày trong đơn kiện và biên bản hòa giải:** Vào ngày 02/02/2018 (al) chị có tham gia hụi do vợ chồng chị Th, anh T T làm đầu thảo, phân hụi mà chị tham gia là hụi 2.000.000đồng thành viên 18 người, mở hụi (khui ) lần đầu tiên ngày 02/02/2018 (al) và hàng tháng sẽ mở hụi 01 lần. Đây hụi này chị tham gia và nộp hụi (hụi sống) 14 lần số tiền 21.610.000đồng, đến ngày 02/3/2019 (al) chị Th, anh T T tuyên bố vỡ hụi ngưng giao dịch về hụi và chốt sổ hụi để tiến hành trả phần hụi mà chị đã đóng 14 lần 21.610.000đồng. Tuy nhiên, qua nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nhưng vợ chồng chị Th, anh Thương không thực hiện. Nay chị T yêu cầu chị Lê Ánh Th và anh

Đỗ T T trả cho chị số tiền hội 21.610.000đồng và lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 02/3/2019 (al) đến ngày xét xử sơ thẩm.

- **Bị đơn Lê Ánh Th trình bày:** Chị Th xác định chị có làm đầu thảo 01 dây hội 2.000.000đồng, dây hội này chị T có nhờ bà Phấn đứng ra giao dịch các lần đóng hội với chị cho đến khi dây hội ngưng là ngày 02/3/2019 (al). Việc giao dịch hội chị Th làm đầu thảo còn anh T T chồng chị người thu hội theo định kỳ nên biết việc giao dịch hội mà chị T tham gia. Chị xác định còn nợ phần hội mà chị T góp 14 lần là 21.610.000đồng ý trả số tiền này cho chị T nhưng xin phần lãi vì không có khả năng trả lãi.

- *Anh Đỗ T T vắng mặt khi hòa giải cũng như xét xử nên không có lời trình bày.*

**\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:** giấy hội (photo);

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền xét thấy:

Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hội, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hội và bị đơn có nơi cư trú tại xã M X, huyện Cao Lãnh nên Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp dân sự về nợ hội*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với anh Đỗ T T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải cũng như xét xử nhưng vắng mặt không lý do nên áp dụng điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào giấy hội được mở ngày 02/02/2018 (al) thể hiện chị T có tham gia hội với chị Th làm đầu thảo loại hội 2.000.000đồng, mở định kỳ hàng tháng, hội viên 18 người, dây hội này chị T tham gia một phần và đã nộp hội sống được 14 lần thì phía chị Th, anh T T tuyên bố ngưng hội, số tiền hội mà chị T đã nộp 14 lần là 21.610.000đồng. Và cho đến nay anh T T, chị Th không thực hiện việc hoàn hội là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hội khi dây hội ngưng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; điều 20, 25, 28 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐCP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường. Do đó, chị T yêu cầu hoàn trả tiền hội 21.610.000đồng và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ để chấp nhận. Về yêu cầu anh T T liên đới trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng anh T T chồng chị Th theo chị Th trình bày là người có trách nhiệm đứng ra thu tiền hội của các hội viên nên biết giao dịch hội của vợ mình vì vậy anh phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị Th trả nợ

chung vợ chồng theo điều 37 Luật hôn nhân gia đình. Về số tiền lãi chậm trả được tính như sau:

Từ ngày 02/3/2019 (al) đến ngày 08/6/2021 nhằm ngày 28/4/2021(al) là 25,5 tháng.

$21.610.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 25,5\text{ tháng} = 4.573.500\text{đồng};$

Vậy anh T T và chị Th có nghĩa vụ liên đới trả tiền hui ( hui sống) và tiền lãi cho chị T 26.183.500đồng. Tại phiên tòa chị Th chỉ đồng ý trả tiền hui đã nộp không đồng ý trả lãi là chưa phù hợp với điều 280 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn; đối với nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã nộp trước được hoàn lại toàn bộ. Và số tiền án phí anh T T, chị Th phải nộp là  $26.183.500\text{đồng} \times 5\% = 1.309.000\text{đồng};$

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 471 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 17, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, điều 20, 25, 28 Nghị định 144/2006/NĐ-CP về họ, hui, biểu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ T.
- Buộc chị Lê Ánh Th và anh Đỗ T T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị Mỹ T 21.610.000đồng tiền hui và tiền lãi 4.573.500đồng; tổng cộng 26.183.500đồng ( Hai mươi sáu triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ( đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**Về án phí:**

+ Anh Đỗ T T và chị Lê Ánh Th phải nộp 1.309.000đồng.

+ Chị Trần Thị Mỹ T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị T 540.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012326 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày tuyên án. Riêng chị T và anh T T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ của bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Châu Văn Sang**